

# VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN NỮ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. NGUYỄN THỊ HẠNH

Học viện Hành chính Quốc gia

## 1. Vài nét về thực trạng đội ngũ giáo viên nữ ở nước ta hiện nay.

Năm học 2004-2005, công tác giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) ở nước ta đã có sự chuyển biến rõ nét về quy mô, chất lượng và hiệu quả. Quy mô GD&ĐT tiếp tục phát triển, kết quả xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học (TH) được củng cố; phổ cập trung học cơ sở (THCS) được đẩy mạnh; mạng lưới trường, lớp tiếp tục được mở rộng; giáo dục thường xuyên và giáo dục bên ngoài nhà trường đã và đang trở thành yếu tố không thể thiếu đối với mọi tầng lớp nhân dân. Nhu cầu học tập suốt đời đang trở thành phổ biến trong đời sống xã hội. Tính đến tháng 7 năm 2005, toàn quốc có 26 tỉnh đạt chuẩn quốc gia phổ cập THCS. Đa số các tỉnh đạt chuẩn phổ cập TH đúng độ tuổi. Thành lập và đưa vào hoạt động 3.000 trung tâm học tập cộng đồng xã, phường.

Năm 2004, cả nước có trên 22.736.000 học sinh, sinh viên. Trong đó, học sinh mầm non là 2.586.000 học sinh (tăng 9,2% so với năm 2003), học sinh TH: 8.350.000 (giảm 18,5%), THCS: 6.612.000 (tăng 18,8%), trung học phổ thông (THPT): 2.616.000 (tăng 57,8%); trung học chuyên nghiệp: 360.400 (tăng 66,1%); đại học, cao đẳng: 1.036.000 (tăng 35,9%); sau đại học: 31.031 (tăng 63,28%); học sinh học nghề dài hạn: 176.000 (tăng 31,3%), ngắn

hạn: 969.100 lượt người (tăng 82,3%). Tổng số học sinh xoá mù chữ, sau xoá mù chữ, bổ túc văn hoá và sinh viên đại học, cao đẳng đào tạo từ xa trên 1.000.000 người.

Để đạt được những thành tựu trên, việc quản lý và phát triển đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên nữ (GVN) - chiếm gần 75% tổng số lao động trong ngành - đang được coi là vấn đề có tính chiến lược, có ý nghĩa to lớn. Đội ngũ GVN đã và đang từng bước được tiêu chuẩn hoá về trình độ đào tạo. Tỷ lệ GVN đạt chuẩn trình độ ngày càng tăng. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nữ được chú trọng quan tâm đào tạo và bồi dưỡng.

Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2004, trong hệ thống giáo dục quốc dân nước ta, giáo dục mầm non có 10.104 trường với 150.335 GVN trực tiếp giảng dạy (100% nữ). Khối giáo dục phổ thông: cấp TH có 14.346 trường với 362.627 giáo viên; trong đó, GVN là 284.040 người (chiếm 78,33%); THCS có 8.734 trường với 280.943 giáo viên, GVN: 191.453 (68,15%); THPT có 1.685 trường với 98.714 giáo viên, GVN: 55.397 (56,12%); trung học chuyên nghiệp có 268 trường với 11.121 giáo viên, GVN: 7.296 (65,61%). Giáo dục đại học và cao đẳng có 214 trường với 39.985 giảng viên, trong đó, giảng viên nữ là 16.315 người (chiếm 40,80%).

Trong đội ngũ giảng viên nữ, tỉ lệ nữ giáo sư là 3,13%, phó giáo sư: 13,24%, tiến sĩ - tiến sĩ khoa học: 17,5%, thạc sĩ 39,1%. Qua số liệu trên cho thấy, trong ngành GD&ĐT ở nước ta, tỉ lệ GVN trực tiếp giảng dạy là 704.836 người (chiếm 74,69%). Điều này khẳng định vai trò và những đóng góp to lớn của phụ nữ, hiện đang là lực lượng chủ yếu trong sự nghiệp phát triển nền GD&ĐT ở nước ta.

Nhìn chung, đội ngũ GVN đều có phẩm chất chính trị tốt, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, của ngành GD&ĐT; yêu nghề, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ "trồng người"... Đã có nhiều GVN dành cả tuổi thanh xuân vì sự nghiệp giáo dục ở vùng sâu, vùng xa... Nhiều GVN ở các cấp học đã phấn đấu, học tập đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ chuyên môn đào tạo để trực tiếp đứng lớp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục... Hiện nay, ở cấp TH đã có 72,45% GVN đạt chuẩn trình độ đào tạo và 20,1% đạt trên chuẩn. THCS có 73,76% đạt chuẩn và 19,71% đạt trên chuẩn. THPT có 95,85% đạt chuẩn và 2,17% đạt trên chuẩn. Nhiều giảng viên nữ ở các trường đại học và cao đẳng đã tham gia nghiên cứu khoa học và đạt được học hàm, học vị cao, có nhiều đề tài cấp bộ, cấp nhà nước được nghiệm thu và đánh giá tốt (điển hình là các công trình nghiên cứu của tập thể nữ Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh; Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Cần Thơ...). Ngoài ra, các chị còn chủ động tìm kiếm các đề tài, hợp tác với các ngành khác, các tổ chức phi chính phủ để triển khai, tìm hiểu các đề tài mang tính ứng dụng, đáp ứng nhu cầu cấp bách do thực tiễn đặt ra (Đại học Nông nghiệp I, Đại học Cần Thơ...). Nhiều GVN đạt

danh hiệu Nhà giáo Ưu tú, Nhà giáo Nhân dân...

Trong bối cảnh hiện nay, với nền kinh tế tri thức đang diễn ra sâu rộng trên toàn thế giới, trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phụ nữ nói chung và GVN nói riêng đang đứng trước nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức. Để nắm được thời cơ và vượt qua những khó khăn, thách thức đó, đòi hỏi họ phải có những thay đổi tích cực về mọi mặt mới đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Đảng, Nhà nước và xã hội luôn đánh giá cao sự đóng góp về trí tuệ trong vai trò của nữ trí thức ngành GD&ĐT, với những phụ nữ đã được giải thưởng Kovalevskaia như GS.TSKH. Hoàng Xuân Sính, GS.TS Phạm Thị Chân Trâu, TS. Ngô Thị Hoà, PGS.TS Phan Lương Cẩm, GS.TS Nguyễn Thị Trâm... Đó là những tấm gương sáng, là niềm tự hào về sự cống hiến cho khoa học của phụ nữ ngành GD&ĐT. Trong công tác giảng dạy nói chung và trước những yêu cầu về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông nói riêng, đòi hỏi các chị phải nỗ lực rất lớn để vươn lên bằng chính năng lực và trí tuệ của mình. So với nam giới, các chị phần nào gặp khó khăn hơn, bởi không chỉ cần hoàn thành tốt công tác chuyên môn mà còn phải gánh vác thêm các công việc gia đình. Nhưng nhiều chị vẫn là những giáo viên dạy giỏi, những nhà quản lý giỏi, được bổ nhiệm hoặc bầu vào các chức vụ quản lý, lãnh đạo. Với cương vị này, các chị có dịp phát huy hết tài năng của mình, trở thành cán bộ Đảng, đoàn thể có bản lĩnh, thông minh, sáng tạo và tính quyết đoán cao. Một số chị đã mạnh dạn sắp xếp lại mạng lưới trường lớp, đội ngũ giáo viên để đưa nhà trường trở thành trường tiên tiến, xuất sắc, trường quốc gia...

Có thể nói, những thành tựu mà sự nghiệp GD&ĐT đạt được trong thời gian qua đã khẳng định sự đóng góp quan trọng của đội ngũ GVN trong việc xây dựng, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trong công cuộc đổi mới hiện nay, nhất là trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, đội ngũ GVN vẫn còn một số hạn chế:

Trong đội ngũ GVN còn có 7,45% GVN TH chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo về chuyên môn, ở đội ngũ GVN THCS là 6,53% và THPT là 1,98%. Các trường đại học và cao đẳng, số giảng viên nữ có học hàm, học vị còn ít, chiếm tỉ lệ thấp. Bên cạnh đó, nhiều GVN chưa được cập nhật phương tiện giảng dạy hiện đại, chưa đổi mới phương pháp giảng dạy nên chất lượng GD&ĐT còn hạn chế. Một số GVN có tiêu cực trong dạy thêm, học thêm hoặc chưa thật sự an tâm với nghề nghiệp...

Những hạn chế trên bao gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan, trong thời gian trước đây, do nhiều địa phương thiếu giáo viên TH và THCS nên chúng ta chủ trương đào tạo nhiều hệ giáo viên khác nhau, thậm chí đào tạo cấp tốc để đáp ứng yêu cầu đủ số lượng giáo viên đứng lớp (hầu hết giáo viên đều là nữ). Ở những trường vùng sâu, vùng xa, do thiếu giáo viên thay thế nên chưa có điều kiện cử GVN đi đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. Một số trường do kinh phí hạn hẹp nên chưa thật sự tạo điều kiện cho chị em đi học... Về chủ quan, GVN khi đã có gia đình thường có tâm lý an phận, chưa có quyết tâm cao để khắc phục khó khăn, trau dồi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ...

## 2. Một số giải pháp nhằm phát triển đội ngũ giáo viên nữ.

Để thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội IX, Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15-6-2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cũng như Chiến lược phát triển giáo dục nước ta đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (trong đó nhấn mạnh việc cần đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ GVN các cấp học có phẩm chất tư tưởng, chính trị, đạo đức tốt; phấn đấu đến 2010, 100% đội ngũ GVN có trình độ chuyên môn đạt chuẩn quy định, trong đó, số GVN đạt trình độ vượt chuẩn ở mầm non là 15%, TH: 40%, THCS: 30%, THPT: 20%, đại học và cao đẳng có 45% thạc sĩ và 25% tiến sĩ; các cấp quản lý giáo dục đều có cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, tăng tỉ lệ cán bộ quản lý cấp trường là nữ...), chúng tôi xin được đề xuất một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, cán bộ quản lý giáo dục các cấp và cán bộ trong ngành cần nhận thức đúng về vai trò, vị trí của đội ngũ GVN trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Tuyên truyền *Luật Giáo dục, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Pháp lệnh Dân số* tới từng giáo viên. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và phát triển đội ngũ GVN, đặc biệt là đội ngũ giáo viên bậc mầm non, bậc TH và THCS. Đây là một bộ phận chiếm tỉ lệ cao nhất và có số lượng lớn chưa đạt chuẩn về chuyên môn đào tạo, do đó, cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải nhận thức đúng vị trí của công tác xây dựng đội ngũ GVN và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong ngành. Xây dựng được đội ngũ GVN vững mạnh cũng là góp phần thực hiện thắng lợi Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

*Thứ hai*, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GVN. Đối với nữ giáo viên tuổi còn trẻ cần tạo điều kiện để được đào tạo theo các hình thức thích hợp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Đồng thời, tăng cường các hoạt động tập thể, lồng ghép các nội dung giáo dục giới để đội ngũ GVN có đủ điều kiện, năng lực tham gia vào bộ máy quản lý.

Bên cạnh đó, cần có những chính sách ưu tiên cho GVN công tác ở miền núi, vùng sâu và hải đảo; có quy định cụ thể đối với GVN miền xuôi lên công tác miền núi, đảm bảo khi hết nghĩa vụ quy định được chuyển công tác về miền xuôi.

*Thứ ba*, phát huy nội lực của chính đội ngũ GVN để xây dựng đội ngũ GVN ngày càng vững mạnh. Chị em cần chủ động phấn đấu vươn lên, chủ động sắp xếp công việc, khắc phục khó khăn để học tập và công tác tốt. Hiện nay, Ban Thường vụ Công đoàn Giáo dục Việt Nam chuẩn bị ban hành văn bản hướng dẫn về *Nội dung hướng dẫn thực hiện chuẩn mực người phụ nữ trong ngành Giáo dục thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá* nhằm định hướng cho GVN phấn đấu. Khi có văn bản hướng dẫn, Công đoàn Giáo dục các cấp cần vận dụng cụ thể cho phù hợp với từng vùng, miền, từng địa phương, từng cấp học để phát huy nội lực giới nữ của ngành, phấn đấu để đội ngũ GVN thực sự là những người "giỏi việc trường, đảm việc nhà", đóng góp tích cực vào quá trình đổi mới sự nghiệp giáo dục nước nhà.

*Thứ tư*, củng cố và đẩy mạnh hoạt động của Ban Nữ công ở các cơ sở giáo dục vì sự tiến bộ của phụ nữ trong ngành, giúp chị em thực hiện tốt các cuộc vận động của ngành, các đoàn thể, phụ nữ. Tuy nhiên, ở một số cơ sở giáo dục, năng lực công tác của một số cán bộ nữ công

còn hạn chế, vì vậy, thời gian tới, Ban Chấp hành công đoàn giáo dục các cấp cần có những biện pháp tích cực củng cố, kiện toàn, cử cán bộ để theo dõi, chỉ đạo công tác nữ công hoạt động có hiệu quả và thiết thực hơn.

*Thứ năm*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng đội ngũ GVN. Trong quá trình thực hiện công tác này phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là đảng bộ, chi bộ của trường, đơn vị; một mặt, các trường, các cơ quan quản lý giáo dục các cấp cần thực hiện nghiêm túc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vì sự tiến bộ, bình đẳng của phụ nữ và quyền lợi của GVN, mặt khác, cần tăng cường công tác phát triển đảng, công tác cán bộ trong đội ngũ GVN để những cán bộ, đảng viên thường xuyên phản ánh tâm tư, nguyện vọng của chị em và trực tiếp bảo vệ quyền lợi của phụ nữ trong ngành GD&ĐT.

*Thứ sáu*, Bộ GD&ĐT cần dành một tỉ lệ ngân sách thích đáng trong ngân sách đào tạo để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ nữ trong ngành và hàng năm chỉ đạo phân bổ chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cho GVN tương ứng với tỉ lệ lao động nữ của ngành; có quy hoạch để phát triển nguồn cán bộ nữ; đồng thời, nâng cao tỉ lệ cán bộ nữ trong các cấp quản lý giáo dục □

Nguồn:

1. Tài liệu Hội thảo Bác Hồ với nữ tri thức - vai trò phụ nữ trong 60 năm xây dựng và trưởng thành của ngành Giáo dục, tháng 3-2005.
2. Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội về tình hình giáo dục, tháng 9-2004.
3. Báo cáo tổng kết công tác công đoàn năm 2004 và xây dựng chương trình công tác năm 2005 của Công đoàn Giáo dục Việt Nam, ngày 25-11-2004.